

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƯ XUÂN**

Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Như Xuân, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt báo cáo KTKT đầu tư xây dựng công trình Nâng cấp Trường tiểu học Yên Cát, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.
Hạng mục: Nhà hiệu bộ, phòng chức năng 2 tầng 8 phòng, công trình phòng cháy chữa cháy**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ XUÂN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 30/2016/QH14, Luật 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/2/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 21/12/2022 của HĐND huyện Như Xuân về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án: Nâng cấp Trường tiểu học Yên Cát, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Hạng mục: Nhà hiệu bộ, phòng chức năng 2 tầng 8 phòng, công trình phòng cháy chữa cháy;

Căn cứ Văn bản số 258/TĐ-PCCC ngày 28/6/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Thanh Hóa thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy công trình Nâng cấp Trường tiểu học Yên Cát, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa, hạng mục: Nhà hiệu bộ, phòng chức năng 2 tầng 8 phòng, công trình phòng cháy chữa cháy;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại báo cáo thẩm định số 89/KTHT-TĐ ngày 11/8/2023 (kèm theo Tờ trình số 252/TTr-BQLDA ngày 24/7/2023 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Nâng cấp Trường tiểu học Yên Cát, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Hạng mục: Nhà hiệu bộ, phòng chức năng 2 tầng 8 phòng, công trình phòng cháy chữa cháy, với các nội dung sau:

1. Tên công trình: Nâng cấp Trường tiểu học Yên Cát, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Hạng mục: Nhà hiệu bộ, phòng chức năng 2 tầng 8 phòng, công trình phòng cháy chữa cháy.

2. Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện.

3. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất Trường tiểu học Yên Cát, đảm bảo các điều kiện giáo dục, đáp ứng nhu cầu giảng dạy và học tập cho giáo viên và học sinh.

4. Nhà thầu khảo sát, lập báo cáo KTKT: Công ty TNHH tư vấn đầu tư và xây dựng Minh Anh.

5. Nhà thầu thẩm tra: Công ty TNHH đầu tư xây dựng VINASA.

6. Địa điểm xây dựng: thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân.

7. Loại, nhóm, cấp công trình:

- Nhóm dự án: Nhóm C;
- Loại công trình: Công trình dân dụng;
- Cấp công trình: Công trình cấp III.

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn được áp dụng:

- Số bước thiết kế: 1 bước.
- Danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: thống nhất theo báo cáo thẩm định số 89/KTHT-TĐ ngày 11/8/2023 của phòng Kinh tế và Hạ tầng.

9. Nội dung, quy mô đầu tư:

9.1. Nhà hiệu bộ kết hợp phòng học chức năng 2 tầng 8 phòng

a. Giải pháp kiến trúc

Xây dựng mới nhà lớp học có quy mô 2 tầng; diện tích xây dựng 464m²; diện tích sàn 928 m²; mặt bằng hình chữ nhật kích thước 37.1m x 12.5m; chiều cao tầng 3,6m; chiều cao mái 2,8m. Tổng chiều cao công trình từ cos nền nhà (0.00m) đến đỉnh mái là +10.0m. Cos nền (0.00m) so với sân là -0,45m. Mặt bằng tầng 1 bố trí 04 phòng học, mặt bằng tầng 2 bố trí 1 phòng hiệu trưởng, 1 phòng kế toán, 1 phòng họp, 2 phòng phó hiệu trưởng, 1 phòng truyền thống, 1 khu vệ sinh. . Giao thông ngang bằng hành lang trước nhà rộng 2,4m; giao thông đứng bằng 01 bộ bố trí giữa nhà rộng +3,5m;

Nền, sàn phòng và hành lang các tầng lát gạch ceramic kích thước 600x600 mm. Bậc cầu thang, tam cấp ốp đá Granit, tay vịn lan can cầu thang bộ bằng sắt, sơn PU cánh màu gián, trụ đứng Inox, trụ đứng và thanh ngang bằng Inox 14x14. Mái lợp tôn sóng vuông màu xanh dày 0,4mm; xà gồ 60x30x2mm, sơn chống gỉ 2 nước, xây tường thu hồi 110mm bổ trụ 220; sê nô mái quét Sika màng mỏng chống thấm Bitum Oline cải tiến dốc nước. Tường xây gạch không nung vữa xi măng mác 50#, trát trần, tường trong, tường ngoài nhà và cột, dầm vữa XM mác 75# dày 1,5cm; mặt trát lán sơn trực tiếp 01 nước lót 02 nước màu. Hệ thống cửa đi, cửa sổ sử dụng cửa nhôm hệ, kính dày 6,38mm; hoa sắt cửa sổ dùng thép hộp mạ kẽm 14x14 sơn tĩnh điện màu vàng sữa.

b. Giải pháp kết cấu:

- Phần móng: Giải pháp móng BTCT, bê tông sử dụng đá 1x2 mác 250# kích thước móng điển hình rộng 2.1x1,8m; 1,8x1,8m; chiều sâu móng - 2,5m so với cos (0.00m); dầm, giằng móng BTCT đá 1x2 mác 250# đổ tại chỗ; móng dưới xây gạch bê tông VXM mác 75#;

- Phần thân: Hệ kết cấu nhà khung BTCT chịu lực; cột, dầm, sàn BTCT đá 1x2 mác 250# đổ tại chỗ; tiết diện cột điển hình 220x220mm, 220x300mm; tiết diện dầm điển hình: 220x300mm; sàn BTCT dày 100mm.

c. Giải pháp phân điện, chống sét:

- Hệ thống điện lấy từ nguồn điện lưới của khu vực, kéo vào công trình bằng cáp loại Cu/XLPE/PVC (2x16)mm² đi đến tủ điện tổng, dây dẫn tới các phòng sử dụng dây Cu/PVC (2x4)mm², dây dẫn tới các thiết bị, ổ cắm trong phòng dùng dây Cu/PVC (2x1,5)mm² và (2x2,5)mm²; hệ thống dây dẫn điện đi ngầm trong tường, trần và luồn trong ống gen nhựa PVC;

- Đèn ống chiếu sáng các phòng có chao chụp loại 1,2m công suất 220V-2x40W đồng bộ, quạt tường loại 75W-220V, quạt trần cánh sắt cánh sải cánh 1,4m có hộp số, quạt tường loại công suất 75W-220V, đèn sát trần hiên bánh lốp có chao chụp công suất 220-25W.

- Hệ thống chống sét trên mái công trình sử dụng kim thu sét thép f16 dài 1,0m, dây dẫn sét thép f10; hệ cọc tiếp địa bằng thép hình kích L63x63x6mm dài 2,5m; chôn sâu cách mặt đất 0,7m; dây tiếp địa bằng thép tròn D16;

d. Giải pháp thoát nước:

Nước mưa trên mái được thu về sân xung quanh mái vào các ống đứng thoát nước PVC D90 và thải ra rãnh thoát nước bên ngoài.

9.2. Các hạng mục phụ trợ

a. Nhà bơm PCCC:

Nhà 1 tầng mái bằng Kích thước: 4.5m x4.5m; Nhà xây bằng gạch bê tông không nung VXM 50#, Trát VXM 75#; Tường trong sơn màu trắng; tường ngoài sơn màu hoàng thổ. Móng xây gạch VXM 75#; Lót đá 4x6 VXM 100# dày 100. Tường xây gạch tiêu chuẩn VXM 75#, trát VXM 75# dày 15.

b. Bể PCCC:

Bể nước ngầm dung tích 108m³ , kích thước bể 7.7x6x2.85 kết cấu bể dầm đáy bể và dầm thân bể kích thước 22x35, sàn đáy bể và nắp bể dày 15cm đổ BTCT mác 200 dày 10; nắp bể bằng tấm đan BTCT đá 1x2 mác 200 dày 10cm. Thành bể xây gạch tiêu chuẩn VXM mác 50 dày 22cm , trát vữa xi măng mác 75 dày 1.5cm dày 1.5cm 2 mặt trong và mặt ngoài thành bể.

c. Sân đường bê tông 400 m² có cấu tạo: Lớp BT mặt sân đường = đá 1x2 200#, dày 150. Lát gạch tezazo 400x400.

d. Rãnh thoát nước:

Tổng chiều dài rãnh thoát nước 102 m. Cấu tạo của rãnh thoát nước như sau: Đáy rãnh dùng bê tông đá 4x6 mác 100 dày 10cm; rãnh xây tường bằng gạch bê tông dày 22cm mác 50; Trên rãnh lắp tấm đan bê tông cốt thép mác 250 dày 8cm .

e. Nhà để xe:

Kích thước nhà : 4m x 14m; Nhà khung thép: cột thép ống D=110x4.5; 2 con sơn thép tròn D75x4 , xà gồ thép C 100x40x3; lợp tôn sóng dày 0.4mm. Nền láng Vxm 75# trên nền bê tông đá 1x2 200# dày 100.

10. Tổng mức đầu tư, giá trị các khoản mục chi phí:

Tổng mức đầu tư: 8.000.000.000 đồng

(Bằng chữ: Tám tỷ đồng)

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	6.752.748.000 đồng
- Chi phí QLDA:	211.545.000 đồng
- Chi phí tư vấn:	676.086.000 đồng
- Chi phí khác:	49.126.000 đồng
- Chi dự phòng:	310.495.000 đồng

11. Nguồn vốn: Ngân sách huyện năm 2023 và các năm tiếp theo.

12. Hình thức quản lý dự án: Thực hiện theo quy định của pháp luật.

13. Thời gian thực hiện: Năm 2023-2024.

Điều 2. Giao Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện tổ chức thực hiện theo quy định hiện hành về đầu tư xây dựng, đồng thời trong quá trình thực hiện các bước tiếp theo, có trách nhiệm tiếp thu, thực hiện đầy đủ các ý kiến tại Báo cáo thẩm định số 89/TĐ-KTHT ngày 11/8/2023 của phòng Kinh tế và Hạ tầng..

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng phòng Kinh tế & Hạ tầng, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Như Xuân, Chi Cục Thuế khu vực Như Thanh – Như Xuân, Chủ tịch UBND thị trấn Yên Cát, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực: HU, HĐND huyện (để b/c);
- Chủ tịch UBND huyện (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Chủ đầu tư (05 bản);
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Anh Tuấn

PHỤ BIỂU
TỔNG MỨC ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH
CÔNG TRÌNH: NÂNG CẤP TRƯỜNG TIỂU HỌC YÊN CÁT, HUYỆN NHƯ XUÂN, TỈNH THANH HÓA. HẠNG MỤC:
NHÀ HIỆU BỘ, PHÒNG CHỨC NĂNG 2 TẦNG 8 PHÒNG, CÔNG TRÌNH PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2023 của Chủ tịch UBND huyện)

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	Hệ số	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
I	Chi phí xây dựng				6.138.861.224	613.886.122	6.752.748.000	Gxd
1	NHÀ HIỆU BỘ, PHÒNG CHỨC NĂNG 2 TẦNG 8 PHÒNG		1	Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	4.827.418.413	482.741.841	5.310.160.000	
2	BỂ NƯỚC PCCC		1	Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	212.483.545	21.248.355	233.732.000	
3	NHÀ ĐỂ MÁY BƠM		1	Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	132.580.991	13.258.099	145.839.000	
4	PCCC		1	Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	524.397.971	52.439.797	576.838.000	
5	BỂ LỌC, GIẾNG KHOAN		1	Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	84.548.917	8.454.892	93.004.000	
6	NHÀ XE		1	Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	72.857.897	7.285.790	80.144.000	
7	SÂN		1	Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	262.798.200	26.279.820	289.078.000	
8	PHÁ DỠ NHÀ CẤP 4		1	Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	21.775.290	2.177.529	23.953.000	
II	Chi phí quản lý dự án	3,446%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	211.545.158		211.545.000	Gqlđ
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng				614.623.214	61.462.321	676.086.000	Gtv
1	Chi phí khảo sát địa chất, địa hình			Quyết định số 54/QĐ-BQLDA ngày 15/02/2023 của BQL DA ĐTXD huyện	72.665.455	7.266.545	79.932.000	

2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng	3%		Gks trước thuế x tỷ lệ	2.179.964	217.996	2.398.000	
3	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	4,318%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	265.076.028	26.507.603	291.584.000	
4	Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật	0,508%	1,2	Gxd trước thuế x tỷ lệ	37.422.498	3.742.250	41.165.000	
5	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	0,432%		Dự toán gói thầu trước thuế x tỷ lệ	26.519.880	2.651.988	29.172.000	
6	Chi phí giám sát thi công xây dựng	3,285%		Dự toán gói thầu XD trước thuế x tỷ lệ	201.661.591	20.166.159	221.828.000	
7	Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng	4,072%		Gks trước thuế x tỷ lệ	2.958.937	295.894	3.255.000	
8	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu	0,05%		Dự toán gói thầu XD+TB trước thuế x tỷ lệ	3.069.431	306.943	3.376.000	
9	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	0,05%		Dự toán gói thầu XD+TB trước thuế x tỷ lệ	3.069.431	306.943	3.376.000	
IV	Chi phí khác				49.125.600		49.126.000	Gk
1	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng	0,019%	0,5	Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	760.000		760.000	
2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	0,470%		Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	37.592.000		37.592.000	
3	Chi phí thẩm định phê duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy	0,010%		Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	773.600		774.000	
4	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng			Tạm tính	10.000.000		10.000.000	
V	Chi phí dự phòng						310.495.000	Gdp
1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	4,04%		(Gxd+Gqlđ+Gtv+ Gk) sau thuế x tỷ lệ			310.495.000	
	Tổng cộng						8.000.000.000	Gxdct